

Số: 99/BC-MNDH

Diễn Châu, ngày 20 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Diễn Hoa

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.

- Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Phụng Lịch 1, xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh nghệ An,

- Số điện thoại: 0989262374

- Địa chỉ thư điện tử: mndienhoa.dc@nghean.edu.vn

- Trang thông tin điện tử: <https://mamnondienhoa.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

- Loại hình trường: Công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Diễn Châu

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mệnh

Tạo dựng một môi trường vui chơi, học tập lành mạnh, hiện đại, giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp Một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời..

- Tầm nhìn

Phấn đấu đến năm 2030, Trường Mầm non Diễn Hoa là trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 phát triển theo hướng tiên tiến hội nhập Quốc tế để mỗi trẻ em có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng mạnh mẽ để trở thành những công dân tốt, có thể chất khỏe mạnh, tâm hồn trong sáng phù hợp với xu thế phát triển của xã hội; Là một trong những ngôi trường mà phụ huynh sẽ lựa chọn cho con em mình để được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt nhất, nơi giáo viên luôn hạnh phúc và có khát vọng vươn cao.

-Giá trị cốt lõi

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| - Tính đoàn kết | - Lòng nhân ái |
| - Tinh thần trách nhiệm | - Sự hợp tác |
| - Lòng tự trọng | - Tính sáng tạo |
| - Tính trung thực | - Khát vọng vươn lên |

- Mục tiêu chung

Triển khai tốt Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết của Quốc hội về Đổi mới chương trình giáo dục mầm non và Nghị Quyết 71/NQ-TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Tiếp tục tổ chức tuyên truyền và đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về GDMN, đổi mới công tác quản trị nhà trường; tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong công tác quản lý, chăm sóc giáo dục trẻ; Đẩy mạnh công tác truyền thông về GDMN.

Chỉ đạo đội ngũ giáo viên tập trung bồi dưỡng về nội dung chương trình; phương pháp dạy học, giáo dục kỹ năng sống và tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Tăng cường các giải pháp bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ; đẩy mạnh phát triển chương trình GDMN phù hợp với điều kiện của địa phương; thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; mô hình “Phối hợp gia đình- nhà trường và cộng đồng trong CSGD trẻ”; xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học theo hướng tăng cường cho trẻ thực hành, trải nghiệm, phát triển thể chất; đổi mới, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục cao và toàn diện, từng bước tiếp cận với mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Là địa chỉ tin cậy cho các bậc phụ huynh khi gửi con vào trường. Phấn đấu đến năm 2030 nhà trường phấn đấu đạt KĐCLGD cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia mức độ 2 phù hợp với sự phát triển của xã hội.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Diễn Châu là một xã đa ngành nghề, thuộc trung tâm kinh tế- văn hóa. Tổng diện tích đất tự nhiên là 22,21 km², dân số 1.378 hộ- 63.294 nhân khẩu được phân bố thành 24 xóm. Cơ sở hạ tầng: điện, đường trường, trạm cơ bản đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển của xã nhà. Giao thông đi lại thuận tiện, 100% đường đi lối lại trong các xóm đã được bê tông hóa. Là xã có kinh tế đa ngành nghề, tốc độ tăng trưởng kinh tế là 11,81%/năm, thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt 75 triệu đồng/người/năm. Phong trào giáo dục tại địa phương luôn được quan tâm:

Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong toàn dân được đẩy mạnh và phát triển, nổi bật là phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Tình hình an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội ổn định, tệ nạn xã hội ít và giảm dần.

Trường mầm non Diễn Hoa tập trung tại một điểm nằm trung tâm khu dân cư, đạt tiêu chuẩn trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1, KĐCLGD cấp độ 2. Cảnh quan môi trường khang trang xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện.

Trường đặt nơi yên tĩnh, cao ráo, thoáng mát, vị trí trung tâm của xã thuận lợi cho trẻ đến trường. Cảnh quan xanh- sạch- đẹp- an toàn. Hiện tại nhà trường có tổng số CBGVNV: 32 người. Trong đó: CBQL: 03, trình độ trên chuẩn 100%, GV: 20; 100% đạt trình độ chuẩn, trong đó trên chuẩn 85%; NV kế toán: 01 có trình độ trên chuẩn; Nhân viên văn phòng: 01, có trình độ trung cấp hành chính văn phòng; Nhân viên nấu ăn: 06, có chứng chỉ và bằng trung cấp chế biến món ăn cho mầm non; nhân viên bảo vệ: 01. Đội ngũ giáo viên nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết thống nhất, có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi hoạt động, yêu nghề, tận tâm, tận lực gương mẫu chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn, chịu khó học hỏi để nâng cao trình độ, khéo léo trong việc làm đồ dùng, đồ chơi và ứng dụng công nghệ thông tin vào CSGD trẻ. Luôn đảm bảo an toàn cho trẻ, tôn trọng và yêu thương trẻ; Có kỹ năng sư phạm để tổ chức tốt các hoạt động cho trẻ. Song đội ngũ giáo viên không đồng đều về năng lực nghề nghiệp, có nhiều giáo viên đang nuôi con nhỏ và có nhiều giáo viên mới được tuyển dụng về trường chưa có nhiều kinh nghiệm trong CSGD trẻ.

Kế thừa và phát huy truyền thống của các thế hệ đi trước, trong những năm qua, trường Mầm non Diễn Hoa luôn thi đua dạy tốt, học tốt và đạt được những thành tích cao: nhiều năm liền đạt Tập thể lao động tiên tiến, Giữ vững trường chuẩn quốc gia mức độ 1 (2024), KĐCLGD cấp độ 2. Nhiều năm được UBND huyện Diên Châu tặng giấy khen.

Kế hoạch giáo dục hàng năm của nhà trường là quá trình kế thừa phát huy và phát triển kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2025-2030 tầm nhìn đến năm 2035, nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của nhà trường và hoạt động của cán bộ quản lý cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường để phấn đấu vươn lên. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường đoạn 2025- 2030 của Trường Mầm non Diễn Hoa là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài nhằm phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước, hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới theo Nghị quyết 71/NQ-TW.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số ĐT, địa chỉ thư điện tử.

- Người đại diện pháp luật: Nguyễn Thị Xuân

- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: trường Mầm non Diễn Hoa, xóm Phương Lịch 1, xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại: 0989262374
- Địa chỉ thư điện tử: hoabien1974@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục.

Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 25/01/2010 của UBND huyện Diễn Châu.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, Quyết định bổ nhiệm lại hiệu trưởng; phó hiệu trưởng;

Trường MN Diễn Hoa có Hiệu trưởng và đủ các phó hiệu trưởng theo quy định tại điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng bà Nguyễn Thị Xuân được chuyển về làm Hiệu trưởng Trường mầm non Diễn Hoa theo Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 16/5/2025 của Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu; Bà Ngô Thị Nhân được luân chuyển làm phó hiệu trưởng mầm non Diễn Hoa theo Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu và được bổ nhiệm lại theo quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu. Bà Ngô Thị Phương Thảo được luân chuyển làm Phó Hiệu trưởng Trường mầm non Diễn Hoa theo Quyết định số 2450/QĐ- UBND ngày 12/08/2022 của Chủ Tịch UBND Huyện Diễn Châu.

c) Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn:

- Quyết định số 100/QĐ-MNDH ngày 01/9/2025 của Hiệu trưởng trường MN Diễn Hoa v/v thành lập các tổ CM năm học 2025- 2026

- Quyết định số 101/QĐ-MNDH ngày 01/9/2025 của Hiệu trưởng trường MN Diễn Hoa v/v bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn năm học 2025- 2026

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động trường Mầm non Diễn Hoa

(có văn bản kèm theo)

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường (có sơ đồ kèm theo)

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Địa chỉ thư điện tử
1	Nguyễn Thị Xuân	HT	0989262374	hoabien1974@gmail.com

2	Ngô Thị Nhân	PHT	0975401171	nhandky1981@gmail.com
3	Ngô Thị Phương Thảo	PHT	0364491888	phuongthaodc84@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Diễn Hoa, xóm Phương Lịch 1, xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng tự đánh giá; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình chuyển đổi, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận trẻ từ 24-72 tháng tuổi, cho phép trẻ chuyển trường; quyết định khen thưởng trẻ em; phê duyệt kết quả đánh giá trẻ em, danh sách trẻ; đánh giá và công nhận trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình mầm non chuyển lên tiểu học. Tham gia thực hiện PCGDMN cho trẻ 3- 5 tuổi.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các CS ưu đãi theo quy định.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025- 2030 và tầm nhìn đến năm 2035;

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường;
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;
- Kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;
- Các quy chế nội bộ khác: Quy chế làm việc; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế thi đua- khen thưởng; Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở,...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Vị trí việc làm			Chuẩn nghề nghiệp Năm 2024-2025				Hoàn thành BDTX
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	GVMN Hạng I	GVMN Hạng II	GVMN Hạng III	Tốt	Khá	Đạt	CĐ	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	32	0	0	21	3	2	6	0	10	13	19	4	0	0	23
I	Giáo viên	20	0	0	17	3	0	0	0	7	13	16	4	0	0	20
1	Nhà trẻ	6			4	2	0		0	3	3	5	1	0	0	6
2	Mẫu giáo	14			13	1	0		0	4	10	11	3	0	0	14
II	Cán bộ quản lý	3	0	0	3	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0	3
1	Hiệu trưởng	1			1					1	0	1	0	0	0	1
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2	0	2	0	0	0	2
III	Nhân viên	9	0	0	1	0	2	6	0	0	0	0	0	0	0	
1	Nhân viên văn thư kiêm y tế	1					1									
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Nhân viên nấu ăn, BV	7				0	1	6								

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn đào tạo theo quy định;

Tổng số CBGV: 20 Đạt chuẩn: 20/20 , tỉ lệ 100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Tổng số CB,GV, NV: 25; Hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 25/25 đạt 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Tổng diện tích khu đất là: 3227m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho 01 HS: 10,7m², chưa đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGD&ĐT

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
I	Số điểm trường	1	
II	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3,227	Bình quân 8,3 m ² /trẻ/12m ² /trẻ theo quy định
III	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.800	
IV	Số lượng hạng mục các khối phòng		
1	Khối phòng hành chính quản trị	8	Phòng HT, PHT, văn phòng, kế toán, nhân viên, BV, Khu VS CBGVNV, Khu để xe GV
2	Khối phòng ND CS & GD trẻ em		
2.1	<i>Phòng Nuôi dưỡng và CS GD trẻ</i>		
a	<i>Khu sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học và ăn</i>	11	
b	<i>Phòng ngủ</i>	8	
c	<i>Khu vệ sinh cho trẻ</i>	11	Bình quân 0,4m ² /trẻ
d	<i>Hiên chơi</i>	2,0	8 phòng học mới hiện đủ diện tích theo quy định, 03 phòng học cấp 4 hiện chơi chật, chưa đủ diện tích theo quy định
2.2	<i>Phòng GD Thể chất -Nghệ thuật</i>	01	60 m ²
2.3	<i>Sân chơi riêng</i>	01	1.800 m ²
3	Khối phòng tổ chức ăn		Bảo đảm theo quy định
3.1.	Nhà bếp	1	Diện tích 100 m ² , BQ 0,3m ² /trẻ
3.2	Kho bếp	1	Phân chia kho lương thực và TP
4	Khối phụ trợ		
4.1	Phòng họp	0	
4.2	Phòng y tế	1	30m ²
4.3	Nhà kho 40m ²	1	20m ²
4.4	Sân vườn	1	Không có vườn rau, phải làm thùng xốp
4.5	Cổng hàng rào	x	Xuống cấp, bong tróc
5	Hạ tầng kỹ thuật		
5.1	Hệ thống cấp nước sạch	X	Nước uống, ăn bảo đảm hợp đồng với công ty nước Thủy Tiên, nước sinh hoạt chưa bảo đảm vì dùng nguồn giếng khoan
5.2	Hệ thống cấp điện	x	Bảo đảm
5.3	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	x	Cơ bản đảm bảo
5.4	Hạ tầng công nghệ thông tin	x	Có mạng internet, có trang thông tin điện tử
5.5.	Thu gom rác thải	x	Có nơi tập kết và thực hiện thu gom theo địa phương
7	Thiết bị dạy học		
	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Bộ)	11	Có 3 lớp 5 tuổi, 08 lớp dưới 5 tuổi đủ danh mục theo quy định, một số lớp thiếu số lượng theo quy định
	Tổng số đồ chơi ngoài trời	6	4 loại
	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập	17	6 máy tính và 11 ti vi

c) Danh mục đồ dùng học liệu trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Danh mục đồ dùng học liệu dành cho nhà trẻ 24 – 36 tháng

TT	DANH MỤC	ĐVT
1	Keo nước dán giấy G-08	Lọ
2	Giấy thủ công to	Gói
3	Xà phòng Lightboy	hộp
4	Màu vẽ 12M MIC127(15) (1/2 hộp/cháu)	Bộ
5	Khăn mặt	Cái
6	Bút Sáp màu Thiên Long 10M CR-C07	Hộp
7	Bảng vàng Thanh Hiền	Cái
8	Đất nặn Mc-016(12 màu) Thiên Long	Hộp
9	Giúp bé làm quen với Toán	Cuốn
10	Hoạt động tạo hình (24 - 36 Tháng)	Cuốn

- Danh mục đồ dùng học liệu dành cho Mẫu giáo 3 – 4 tuổi

TT	DANH MỤC	ĐVT
1	Keo nước dán giấy G-08	Lọ
2	Giấy thủ công to	Gói
3	Xà phòng Lightboy	hộp
4	Bút chì 2B-C004	Cái
5	Màu vẽ 12M MIC127(15) (1/2 hộp/cháu)	Bộ
6	Khăn mặt	Cái
7	Kéo Xuân Bo 5004	Cái
8	Bút Sáp màu Thiên Long 10M CR-C07	Hộp
9	Bảng vàng Thanh Hiền	Cái
10	Đất nặn Mc-016(12 màu) Thiên Long	Hộp
11	Giúp bé làm quen với Toán	Cuốn
12	Bé tập làm thủ công	Cuốn

13	Hoạt động tạo hình (3 - 4 tuổi)	Cuốn
14	Chủ đề TV - ĐV	Cuốn
15	Chủ đề QH - ĐN	Cuốn
16	Chủ đề Bé tìm hiểu GT - nước HTTN	Cuốn
17	Chủ đề gia đình - nghề nghiệp	Cuốn
18	Trường mầm non - Bản thân	Cuốn

- Danh mục đồ dùng học liệu dành cho Mẫu giáo 4 – 5 tuổi

TT	DANH MỤC	ĐVT
1	Keo nước dán giấy G-08	Lọ
2	Giấy thủ công to	Gói
3	Kem đánh răng	hộp
4	Xà phòng Lightboy	hộp
5	Bút chì 2B-C004	Cái
6	Bàn chải cgats	Cái
7	Màu vẽ 12M MIC127(15) (1/2 hộp/cháu)	Bộ
8	Khăn mặt	Cái
9	Kéo Xuân Bo 5004	Cái
10	Bút Sáp màu Thiên Long 10M CR-C07	Hộp
11	Bảng vàng Thanh Hiền	Cái
12	Đất nặn Mc-016(12 màu) Thiên Long	Hộp
13	Giúp bé làm quen với Toán	Cuốn
14	Bé tập làm thủ công	Cuốn
15	Hoạt động tạo hình (5 - 6 tuổi)	Cuốn
16	Chủ đề TV - ĐV	Cuốn
17	Chủ đề QH - ĐN	Cuốn
18	Chủ đề Bé tìm hiểu GT - nước HTTN	Cuốn
19	Chủ đề gia đình - nghề nghiệp	Cuốn
20	Trường mầm non - Bản thân	Cuốn

- Danh mục đồ dùng học liệu dành cho Mẫu giáo 5 – 6 tuổi

TT	DANH MỤC	ĐVT
1	Keo nước G-08	Lọ
2	Giấy thủ công to	Gói
3	Kem đánh răng	hộp
4	Xà phòng Lightboy	hộp
5	Bút chì 2B-C004	Cái
6	Bàn chải cngats	Cái
7	Màu vẽ 12M MIC127(15) (1/2 hộp/cháu)	Bộ
8	Khăn mặt	Cái
9	Kéo Xuân Bo 5004	Cái
10	Bút Sáp màu Thiên Long 10M CR-C07 (1 hộp/cháu)	Hộp
11	Bảng vàng Thanh Hiền	Cái
12	Đất nặn Mc-016(12 màu) Thiên Long	Hộp
13	Giúp bé làm quen với Toán	Cuốn
14	Giúp bé tập tô và làm quen với chữ cái	Cuốn
15	Bé tập làm thủ công	Cuốn
16	Hoạt động tạo hình (5 - 6 tuổi)	Cuốn
17	Chủ đề TV - ĐV	Cuốn
18	Chủ đề QH - ĐN	Cuốn
19	Chủ đề Bé tìm hiểu GT - nước HTTN	Cuốn
20	Chủ đề gia đình - nghề nghiệp	Cuốn
21	Trường mầm non - Bản thân	Cuốn

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

1. Kết quả đánh giá:

1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1,2 và 3

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.				
1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường		X	X	
1.2. Hội đồng trường và các hội đồng khác		X	X	
1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường		X	X	X
1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng		X	X	X
1.5. Tuyển sinh Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo		X	X	X
1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản		X	X	X
1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên		X	X	
1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục		X	X	
1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở		X	X	
1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học		X	X	
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ.				
2.1. Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng		X	X	X
2.2. Đối với giáo viên		X	X	X
2.3. Đối với nhân viên		X	X	X
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.				
3.1. Địa điểm, quy mô, diện tích		X	X	X
3.2. Các hạng mục công trình đảm bảo CSVC tối thiểu		X	X	
3.3. Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu		X	X	X
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội				

4.1. Ban đại diện cha mẹ trẻ		X	X	X
4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.		X	X	X
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ				
5.1. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.		X	X	X
5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.		X	X	X
5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ		X	X	X
5.4. Kết quả giáo dục.		X	X	X

Tổng số các tiêu chí đạt Mức 1, Mức 2 đạt: 25/25 Tỷ lệ: 100%

Tổng số các tiêu chí đạt Mức 3: 17/19 Tỷ lệ: 89,5%

Tổng số các tiêu chí không đạt Mức 3: 2 /19 Tỷ lệ: 10,5%

Kết quả đạt mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt mức 4

2) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo đã có đã có bằng công nhận kèm theo Quyết định số 636/QĐ-UBND tỉnh Nghệ An ngày 02 tháng 03 năm 2024 công nhận lại trường mầm non Diễn Hoa đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và Quyết định số 636/QĐ-UBND tỉnh Nghệ An ngày 22 tháng 03 năm 2024 công nhận trường mầm non Diễn Hoa đạt KĐCLGD mức độ 2.

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa chất lượng CSGD trẻ của nhà trường ngày được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học: 2025- 2026

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin;

Thực hiện theo KH số 73/KH-MNDH ngày 28 tháng 5 năm 2025 của trường mầm non Diễm Hoa về việc tuyển sinh năm học 2025- 2026.

- Số lớp tuyển sinh: 11 lớp ; Tổng số trẻ theo kế hoạch 302 em

Trong đó : Nhà trẻ 24 – 36 tháng : 3 nhóm 75 trẻ

Mẫu Giáo 3 – 4 tuổi: 2 lớp 60 Trẻ

Mẫu Giáo 4 – 5 tuổi: 3 lớp 78 Trẻ

Mẫu Giáo 5 – 6 tuổi: 3 lớp 89 trẻ

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

- Thời gian tuyển sinh: Từ ngày 11/6/2025 đến ngày 12/6/2025

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

Triển khai thực hiện kế hoạch GD số 118/KH-MNDH ngày 19 tháng 9 năm 2025 của trường Mầm non Diễm Hoa

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

- Tiếp tục huy động 100% trẻ ăn bán trú tại trường. Nhà trẻ ăn 02 bữa chính và 01 bữa phụ; mẫu giáo ăn 01 bữa chính và 01 bữa phụ. Bữa ăn của trẻ đảm bảo 4 nhóm thực phẩm chính như là: Gluxit, Protein. Chất béo, Vitamin và khoáng chất.

- Xây dựng thực đơn khẩu phần của trẻ bằng phần mềm dinh dưỡng đảm bảo đủ dinh dưỡng, cân đối, hợp lý theo mùa phù hợp theo độ tuổi và điều kiện của địa phương

- Tăng cường trồng rau sạch theo mùa để phục vụ bán trú, đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ tại trường mầm non. Chế biến món ăn hàng ngày phải theo đúng thực đơn, đủ định lượng theo mức tiền ăn của trẻ. Mỗi món ăn cần quan tâm giá trị dinh dưỡng và giá trị cảm quan để món ăn vừa ngon, vừa đẹp và hấp dẫn kích thích trẻ ăn ngon miệng và ăn hết suất. Ngoài ra bữa phụ chiều của trẻ cũng được tự tay nhân viên nấu ăn chế biến, được đổi món theo tuần và theo mùa, hạn chế tối đa bữa phụ là thức ăn chế biến sẵn

- Quản lý chặt chẽ công tác xuất nhập thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm; chất lượng bữa ăn đảm bảo công khai minh bạch chế độ ăn, thực đơn của trẻ hàng ngày tại bảng công khai; thực hiện các khoản thu, chi bán trú theo thỏa thuận của phụ huynh: Tiền ăn của trẻ 20.000đ/ ngày/trẻ; Thu chi phí bán trú: Nhà trường xây dựng mức chi phí phục vụ bán trú là 110.000đ/trẻ/tháng và chi phí mua đồ dùng dùng chung

là 105.000đ/cháu/năm được phụ huynh thảo thuận nhất trí và cấp trên phê duyệt.

- Đảm bảo đủ nước uống cho trẻ vệ sinh và phù hợp với thời tiết. Đặc biệt là mùa đông luôn có nước ấm cho trẻ uống và phải đảm bảo cho trẻ uống đủ lượng nước theo quy định của Chương trình GDMN;

- Thực hiện nghiêm túc quy trình bếp 1 chiều, thực hiện nhiệm vụ phân công theo dây chuyền bổ sung đồ dùng dụng cụ tổ chức bán trú đảm bảo đầy đủ, chất lượng tốt, hợp vệ sinh theo quy định.

- Hợp đồng đủ nhân viên nấu ăn để đảm bảo thực hiện tốt công tác bán trú, nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nấu ăn cho trẻ mầm non, có đủ sức khỏe, không có các bệnh truyền nhiễm, nhân viên khám sức khỏe ít nhất một lần/ năm. Nhân viên nấu ăn thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo hợp đồng lao động, nghiêm túc chấp hành các nội quy, quy chế tại bếp ăn, đảm bảo an toàn trong khi chế biến, thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/1/2018 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Sở;

- Phối hợp với trạm Y tế thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ tại các nhóm lớp; Thực hiện nghiêm túc các quy định về Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDDT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học. Đảm bảo 100% trẻ đến trường được khám sức khỏe ít nhất 1 lần/ năm và cân, đo theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng 3 lần/ năm, đối với trẻ SDD, trẻ béo phì thì cân hàng tháng để theo dõi sự phục hồi của trẻ. Chính làm tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng nên tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân cuối năm giảm chỉ còn 1,3% và suy dinh dưỡng thể thấp còi cuối năm chỉ còn 2%, không có trẻ thừa cân béo phì.

- Xây dựng kế hoạch và các giải pháp phối hợp với gia đình có chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với những trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì.

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của đơn vị được tham gia các lớp tập huấn về chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ; Tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm và công tác y tế trường học.

- Tăng cường chỉ đạo công tác vệ sinh răng miệng, vệ sinh cá nhân rửa tay bằng xà phòng, 100% trẻ 5 tuổi và 4 tuổi biết giữ gìn vệ sinh răng miệng, đánh răng sau khi ăn đúng thao tác; trẻ 3 tuổi và nhà trẻ biết súc miệng sau khi ăn.

- Chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh cho các nhóm lớp, 100% trẻ có đồ dùng vệ sinh cá nhân có ký hiệu riêng (cốc, khăn, bàn chải đánh răng, gối...) thường xuyên rèn các thao tác vệ sinh cho trẻ, đảm bảo các thao tác trở thành kỹ năng.

- Các lớp thực hiện vệ sinh đúng lịch hàng ngày, tuần: vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng học, vệ sinh đồ dùng đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác thải theo quy định.

- Thực hiện nghiêm túc, có chất lượng chương trình giáo dục nhà trường.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

- Thực hiện chương trình cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh
- Thực hiện các hoạt động ngoài chính khóa: erobic, trải nghiệm trong và ngoài nhà trường

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước: 2025- 2026

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TRẺ	NHÀ TRẺ			MẪU GIÁO		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	306	0	0	90	53	77	87
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	306	0	0	90	53	77	87
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	3	0	0	0	0	0	1
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	306	0	0	90	53	77	87
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	306	0	0	90	53	77	87
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	306	0	0	90	53	77	87
V	Kết quả phát triển sức khỏe của TE	306	0	0	90	53	77	87
1	Số trẻ em cân nặng bình thường	302	0	0	89	86	75	87
2	Số trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	4	0	0	1	1	2	0
3	Số trẻ em có chiều cao bình thường	300	0	0	86	52	76	87
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	6	0	0	4	1	1	0
5	Số trẻ thừa cân, béo phì	0	0	0	0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	301	0	0	42	78	68	113
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	90	0	0	90	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu	216	0	0	0	53	77	87

	giáo							
	Trẻ đạt các tiêu chí cuối độ tuổi	294			84	50	75	86

a) Thông tin học sinh:

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó					
			Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS chuyển đi	Số HS chuyển đến	Học sinh nữ	HS dân tộc thiểu số	HS khuyết tật
Nhà trẻ	90	3	90			44	0	0
MG 3 – 4 tuổi	53	2	53			19	0	0
MG 4 – 5 tuổi	77	3	77			32	0	0
MG 5 – 6 tuổi	87	3	87			39	0	1
Tổng số	306	11	306			137	0	1

b, Kết quả giáo dục

- Kết quả đánh giá trẻ theo từng lĩnh vực

Trẻ nhà trẻ 24 – 36 tháng tuổi

Tổng số trẻ	Lĩnh vực PTTC		Lĩnh vực PTNT		Lĩnh vực PTNN		Lĩnh vực PTTCXH		Kết quả chung	
	Đạt	C. Đạt	Đạt	C. Đạt	Đạt	C. Đạt	Đạt	C. Đạt	Đạt	C.Đạt
90	88	2	84	6	85	5	83	7	84	6

Trẻ mẫu giáo

Tổng số trẻ	Lĩnh vực PTTC		Lĩnh vực PTNT		Lĩnh vực PTNN		Lĩnh vực PTTM		Lĩnh vực PTTCXH		Kết quả chung	
	Đạt	C. Đạt	Đạt	C. Đạt	Đạt	C. Đạt	Đạt	C. Đạt	Đạt	C. Đạt	Đạt	C. Đạt
216	212	4	215	1	212	4	210	6	211	5	210	6

c, Kết quả đánh giá xếp loại giáo viên

- Đánh giá xếp loại Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020:

+ CBQL: Hiệu trưởng xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ; 1 đ/c PHT xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; 1 đ/c PHT xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Giáo viên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 4/20 tỷ lệ 20%; HTTNV: 16/20- tỷ lệ 80%

+ Nhân viên: Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 2/2, tỷ lệ 100%

- Đánh giá xếp loại CBQL GV theo chuẩn Hiệu trưởng, giáo viên trường MN (Thông tư số 25, Thông tư số 26): Năm học 2025- 2026. Kết quả như sau:

+ CBQL: Hiệu trưởng và 2 PHT: Xếp loại tốt

+ GV: Xếp loại Tốt: 16/20- tỷ lệ 80%; Xếp loại Khá: 4/20- tỷ lệ 20%

- Xếp loại nhà trường theo nghị định số 90/2020/NĐ-CP: **Hoàn thành tốt nhiệm vụ.**

- Công tác thi đua khen thưởng:

Lao động tiên tiến: 25/25 người, tỷ lệ 100%, Chiến sỹ thi đua cơ sở: 09 người, UBND Huyện tặng khen: 01 người. Đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen 01 người.

Trong năm học 2025- 2026, có 01 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, Hiệu trưởng được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

Trường thực hiện chương trình làm quen tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo có 80 trẻ tham gia.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác); (Tính theo 1000 đ đến 30/6/2026)

I	THU TỪ NGÂN SÁCH	Tồn đầu kỳ	Thu	Chi	Tồn 30/6/2026
1	Ngân sách NN cấp chi lương các khoản đóng góp theo lương	2.104.491.415	4.230.245.000	4.164.996.181	2.169.740.234
2	Tiền thưởng cho người lao động năm 2025 theo	231.156.000	10.826.000	241.982.000	0

	NĐ 73				
3	Chế độ chi phí học tập; ăn trưa, khuyết tật năm học 2025-2026	61.148.000	-27.430.000	33.718.000	0
4	Ngân sách NN cấp chi hoạt động thường xuyên năm học 2025 - 2026	59.279.004	453.000.000	318.870.870	193.408.134
5	Cộng ngân sách	2.456.074.419	4.666.641.000	4.759.567.051	2.363.148.368
II	Các khoản thu từ nguồn thu của nhà trường				
1	Thu từ tiền học phí 2025-2026	40.286.693	265.650.000	154.830.000	151.106.693
2	Thu từ tiền vận động tài trợ	0	0	0	0
3	Thu tiền Chăm sóc sức khỏe ban đầu:	6.316.259	18.619.154	24.935.413	0
4	Thu thực hiện dạy Tiếng Anh tăng cường		90.189.800	86.715.800	3.474.000
5	Thu thực hiện dạy Arobic tăng cường		56.185.000	54.779.000	1.406.000
6	Thu từ nguồn chi phí bán trú		310.325.000	310.325.000	0
7	Thu từ nguồn mua sắm đồ dùng dùng chung		31.815.000	30.415.000	1.400.000
8	Thu từ nguồn ăn bán trú		842.423.000	842.423.000	0
C	Cộng KP được sử dụng từ nguồn thu khác	46.602.952	1.615.206.954	1.504.423.213	157.386.693

	tại trường năm học 24-25				
D	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm học 25-26 ((Nguồn NS+ Nguồn khác)	2.502.677.371	6.281.847.954	6.263.990.264	2.520.535.061
G	Kinh phí còn lại trong năm				
1	Trong đó: Tiền Ngân sách	2.456.074.419	4.666.641.000	4.759.567.051	2.363.148.368
2	Tiền thu hoạt động tại trường	46.602.952	1.615.206.954	1.504.423.213	157.386.693

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Ứng dụng các phương pháp dạy học tiên tiến trên thế giới và khu vực vào chương trình giáo dục nhà trường như: Monterssori, steam, sơ đồ tư duy Mind Map...

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2026 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Mầm non Diễn Hoa.

Nơi nhận:

- UBND xã Diễn Châu (để b/c);
- CBGVNV (để CK);
- Công khai trên trang Websais;
- Lưu: HSKK.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Xuân